

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TỊNH BIÊN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 44/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29/4/2025
“V/v tranh chấp về hôn nhân và
gia đình, ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỊNH BIÊN, TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Quới.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Quốc Khanh;
- Ông Trần Thanh Hoàng.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Tiên, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 73/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2025 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2025/QĐST-HN ngày 01 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1977. Địa chỉ: Tổ A ấp A, xã A, thị xã T, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh N1, sinh năm 1975. Địa chỉ: Tổ A ấp A, xã A, thị xã T, tỉnh An Giang.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt (nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà và ông Nguyễn Thanh N1 tự tìm hiểu nhau và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 1996, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T ngày 05/9/1997. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau khoảng

năm 2015 thì ông N1 thường xuyên uống rượu, không quan tâm đến vợ con, mỗi lần nhậu say về ông N1 cứ kiểm chuyện chửi bới đánh đập bà N. Xét thấy vợ chồng không còn tình cảm nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thanh N1.

Về con chung: Nguyễn Minh N2, sinh năm 2000; Nguyễn Ngọc Minh N3, sinh năm 2006. hai con đã trưởng thành nên bà N không có yêu cầu gì;

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu toà án giải quyết;

Nợ chung: không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn từ chối nhận văn bản và vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng, cơ bản thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS).

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Người tham gia tố tụng, nguyên đơn cơ bản đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Tuy nhiên, bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo Điều 70, 72 BLTTDS.

Về giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận. Xét thấy về tình cảm, nguyên đơn và bị đơn không còn hạnh phúc do bị đơn thường xuyên nhậu và đánh đập nguyên đơn, không quan tâm đến vợ con. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xem xét cho ly hôn.

Về con chung: Nguyễn Minh N2, sinh năm 2000; Nguyễn Ngọc Minh N3, sinh năm 2006. Cả hai đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Thanh N1; bị đơn có địa chỉ cư trú tại Tổ A ấp A, xã A, thị xã T, tỉnh An Giang. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 BLTTDS.

Về nội dung:

[3] Nguyên đơn và bị đơn kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T nên được xem là hôn nhân hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:

Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Xét, vợ chồng phải thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ và sống chung với nhau, bị đơn đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng từ chối nhận, trong đó có thông báo về phiên hòa giải và bị đơn không đến Tòa án tham dự, cho thấy bị đơn không có thiện chí trong việc hoà giải đoàn tụ, vun bồi hạnh phúc gia đình. Do đó, việc hàn gắn mâu thuẫn cùng nhau xây dựng, chăm lo cuộc sống gia đình là không thể thực hiện được.

Đồng thời theo biên bản xác minh tại ấp A cho biết “ông Nguyễn Thanh Nguyên sinh S tại địa phương và hành nghề chạy xe ôm, ông N1 thường xuyên nhậu nhẹt nên dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn” cũng phù hợp với lời khai của nguyên đơn.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[4] Về con chung: Nguyễn Minh N2, sinh năm 2000; Nguyễn Ngọc Minh N3, sinh năm 2006 (đã trưởng thành).

Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án.

Về nợ chung: không có.

[5] Về án phí: Nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo luật định.

Bị đơn không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N;

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N được ly hôn ông Nguyễn Thanh N1.

[2] Về con chung: Nguyễn Minh N2, sinh năm 2000; Nguyễn Ngọc Minh N3, sinh năm 2006. (đã trưởng thành)

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: không có.

[5] Về án phí: Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0017643 ngày 26/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tịnh Biên. Bà N đã nộp đủ án phí.

Ông N1 không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

[4] Quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TX. Tịnh Biên (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TX. Tịnh Biên (1);
- UBND xã Tà Đanh – Tri Tôn (1);
- Các đương sự (1);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu Văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Quới